

Bản án số: 02/2023/DS-PT

Ngày: 05.01.2023.

V/v: *Tranh chấp về thừa kế tài sản;*

Tranh chấp mở lối đi qua bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên;
Bà Trần Thị Diệu.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị H Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp mở lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2022/QĐXXPT-DS ngày 13/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐ-PT ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Số H, đường T, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số K, đường L, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Ông **Đỗ Quốc H1**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số T, đường Q, khu phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 4.1, Ông **Đỗ Quốc T**, sinh năm 1976 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- 4.2, Ông **Đỗ Quốc B**, sinh năm 1978 (có mặt);
Địa chỉ: Số O, đường A, khu phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
- 4.3. Ông **Đỗ Quốc H2**, sinh năm 1980 (có mặt);
Địa chỉ: Số K, đường L, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
- 4.4. Bà **Đỗ Thị T1**, sinh năm 1951 (có mặt);
Địa chỉ: Số H đường T, khu phố D, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
- 4.5. Bà **Đỗ Thị C**, sinh năm 1955 (có mặt);
Địa chỉ: Số E đường N, khu phố C, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;
5. *Người kháng cáo:*
- 5.1. Bà **Đỗ Thị L** là nguyên đơn;
- 5.2. Bà **Phạm Thị T** là bị đơn.
- 5.3. Ông **Đỗ Quốc H1** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Cha của bà là cụ Đỗ D chết 2003 và mẹ là cụ Lê Thị L chết 1969 có 04 người con đẻ: Đỗ Thị L, sinh năm: 1948; Đỗ Thị T1, sinh năm: 1951; Đỗ T (sinh năm 1954, chết năm 2018, có vợ Phạm Thị T và 4 người con Đỗ Quốc T, Đỗ Quốc B, Đỗ Quốc H2, Đỗ Quốc H1); Đỗ Thị C, sinh năm: 1955. Ngoài ra không có con riêng, con nuôi.

Cha mẹ bà tạo lập được tài sản chung là nhà và đất thuộc thửa số 285, tờ bản đồ số 9-d, diện tích đất 385,5 m², diện tích xây dựng là 104,36m² được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (gọi tắt là GCNQSD đất) số 4401070260 ngày 21-3-2001 cho cha bà là cụ Đỗ D.

Ngày 22-10-2001, cụ Đỗ D lập Di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ có nội dung: cho ông Đỗ T tá phần đất trồng là 195 m², phần đất có nhà đang ở để cho các con thờ cúng ông bà, cha mẹ là 195 m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070260 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21-3-2001. Do sai số biến động đo đạc, diện tích chỉ còn lại 192,7 m². Sau khi ông T chết, bà Phạm Thị T là người trực tiếp quản lý và sử dụng nhà đất đang thờ cúng trên và nhà đất sau khi cụ Đỗ D chết không được coi nói, sửa chữa gì thêm.

Bà đồng ý với di chúc của cha bà là cụ D ngày 22-10-2001, không yêu cầu Toà án phải giải quyết phần cha bà đã định đoạt cho ông Đỗ T là 195 m²; di chúc còn lại của cha bà có nội dung giao cho các con làm nơi thờ cúng, bà không đồng ý vì cha bà đã tự định đoạt phần tài sản của mẹ bà là cụ Lê Thị L. Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất còn lại 192,7m² và nhà trên đất. Bà, bà T, bà C, ông T mỗi người được hưởng ¼ di sản của cha mẹ để lại.

Bà không đồng ý với giá Nhà nước do Hội đồng định giá đưa ra, bà xin đưa ra giá thị trường nhà đất đang tranh chấp là 2,2 tỷ đồng (giá đất 10.500.000 đồng/m²), bà đồng ý giá vật kiến trúc và cây trồng trên đất theo giá do Hội đồng định giá đưa ra. Nếu bà T và các con muốn nhận nhà đất thì hoàn lại giá trị cho bà và những người thừa kế còn lại. Nếu bà T và các con không nhận nhà đất thì bà đề nghị được nhận và bà hoàn lại kỷ phần bằng tiền cho những người thừa kế khác.

Các phần xây dựng mới mà bà T đã tạo dựng thêm là mái che tôn, cửa kéo sắt, cửa sắt và 01 cây xoài chưa thu hoạch.

Bà không đồng ý tính thêm 01 kỷ phần nuôi dưỡng cụ Đỗ D và chi phí tôn tạo, sửa chữa nhà là 500 triệu đồng cho bà T. Vì cụ Đỗ D đã tặng cho ông Đỗ T ½ thửa đất. Còn việc xây dựng thêm nhà thì không có, bà T và ông T sinh sống tại đó nên khi có hư hỏng phải có trách nhiệm sửa chữa nhà để ở.

Đối với yêu cầu để lối đi chung cho ông H1 thì bà đồng ý nhưng không đồng ý để lối đi là 2m chiều ngang, chỉ để đúng lối đi 1,2m chiều ngang như lối đi hiện tại vì không thể đập vách nhà giao đủ 2m cho ông H1 được.

Theo biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Căn nhà và đất có diện tích đất là 192,7m² tại số K đường L, phường P, thành phố P là di sản của cụ Đỗ D để lại nhưng không phải là tài sản chung của vợ chồng cụ D, cụ L vì cụ L đã chết từ năm 1969, đến năm 2001 cụ D mới được cấp GCNQSD đất. Bà xác nhận các hàng thừa kế của cụ D, cụ L đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Bà và ông Đỗ T là vợ chồng, có 04 con đẻ gồm: Đỗ Quốc T, Đỗ Quốc B, Đỗ Quốc H và Đỗ Quốc H; ngoài ra không còn con chung con nuôi, con riêng nào khác. Ngày 22-10-2001, cụ Đỗ D lập Di chúc để lại ½ đất trống cho ông Đỗ T và ½ làm nhà từ đường, ông T là con trai duy nhất nên tiếp tục sinh sống và thờ cúng ông bà cha mẹ tại nhà đất này.

Ngày 14-7-2004, vợ chồng bà chuyển nhượng cho ông Tần Minh V, bà Nguyễn Đặng Quỳnh N diện tích đất 162,4 m². Ngày 12-02-2018, vợ chồng bà tặng cho con trai là Đỗ Quốc H1 diện tích đất 35,2 m² và lập Giấy cam kết đồng ý cho phép ông H1 được sử dụng lối đi chung có chiều rộng 2m và chiều dài 29,5m vào đất của ông H1.

Sau khi cha chồng bà chết phần nhà từ đường đã được coi nói xây dựng thêm là 01 căn nhà mái tôn; mái che tôn, cửa kéo sắt, cửa sắt và 01 cây xoài chưa thu hoạch và sửa chữa khi có hư hỏng, không còn đúng theo hiện trạng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Năm 2018, ông T chết, bà tiếp tục sống, quản lý, bảo quản và sửa chữa nhà từ đường này cho đến nay.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, bà không đồng ý. Lý do: cụ Đỗ D để lại nhà từ đường này làm nơi thờ cúng nên bà mong muốn tiếp tục thực hiện di nguyện của cụ Đỗ D. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và giao cho các con của bà tiếp tục quản lý đất, nhà từ đường này. Nếu vẫn giải quyết yêu cầu chia thừa kế thì bà đề nghị tính thêm cho bà 01 kỷ phần công chăm sóc cụ Đỗ D đến khi chết và 500 triệu đồng chi phí đã tôn tạo, xây dựng, bảo quản di sản. Lý do vì ngôi nhà thời điểm cụ Đỗ D còn sống tạo dựng nên chỉ có 42m², sau đó vợ chồng bà đã tôn tạo, xây dựng thêm, đã bỏ ra số tiền 500 triệu đồng. Bà không cung cấp được hóa đơn, chứng từ hay bất cứ tài liệu chứng cứ để chứng minh cho phần bảo dưỡng tôn tạo thêm cho di sản vì chỉ là sửa chữa nhỏ lẻ nhiều lần. Còn công sức nuôi dưỡng cụ Đỗ D thì địa phương, hàng xóm biết và bà không yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản ông Đỗ T được nhận.

Bà đồng ý với giá nhà nước năm 2022 mà Hội đồng định giá đã đưa ra và không đồng ý với giá đất bà L đưa ra là 10.500.000 đồng/m². Hiện nay bà và ông Đỗ Quốc H2 đang sống tại nhà từ đường này. Ngoài nhà từ đường này, bà và ông H2 không còn chỗ ở nào khác. Đối với yêu cầu của ông H1 để lối đi chung thì bà đồng ý để lối đi là 2m chiều ngang.

Theo bản khai, Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Đỗ Quốc H1 trình bày: Ông xác nhận các hàng thừa kế của cụ D, cụ L, ông T đúng như lời trình bày của bà T. Ông không đồng ý chia thừa kế vì đây là nhà từ đường, dùng vào việc thờ cúng.

Phần căn nhà ở và nhà vệ sinh xây lấn vào phần đất nhà từ đường, ông đề nghị mở lối đi vào thửa đất của ông, có chiều ngang 2m, chiều dài là 29,05m. Khi còn sống ông Đỗ T và bà Phạm Thị T đã cam kết cho ông lối đi là 2m chiều ngang (chiều dài là 23,7 + 5,35m = 29,05m, ông đồng ý mua lối đi chung này có chiều ngang 2m, chiều dài 29,05m với giá của Hội đồng định giá đưa ra năm 2022 và không đồng ý với giá đất bà L đưa ra là 10.500.000 đồng/m². Nếu Tòa án giao nhà đất cho bà L thì ông đồng ý giao nhà vệ sinh cho bà L, bà L thôi lại phần giá trị của nhà vệ sinh này cho ông và ông chỉ mua lối đi có chiều ngang 2m và dài 29,05m.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản ông Đỗ T được nhận và đề nghị tính cho bà T 01 kỷ phần công nuôi dưỡng cụ D và hoàn cho bà T chi phí sửa chữa nhà ở là 500 triệu đồng.

Các ông Đỗ Quốc B, Đỗ Quốc T, Đỗ Quốc H2 cùng thống nhất trình bày: Các ông không đồng ý chia thừa kế, đề nghị tiếp tục thực hiện theo di chúc giao cho ông Đỗ T quản lý, sử dụng. Các ông đang lưu giữ bản chính GCNQSDĐ của cụ Đỗ D. Các ông xác nhận các hàng thừa kế của cụ D, cụ L, ông T đúng như lời trình bày của bà T. Ông không đồng ý chia thừa kế vì đây là nhà từ đường dùng vào thờ cúng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì các ông không yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản ông Đỗ T được nhận và đề nghị tính cho bà T 01 kỷ phần công nuôi dưỡng cụ D và hoàn cho bà T chi phí sửa chữa nhà ở là 500 triệu đồng.

Các bà Đỗ Thị T1, Đỗ Thị C trình bày: Các bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn. Các bà đồng ý chia thừa kế di sản còn lại của cụ D, cụ L. Các bà xin nhận giá trị, người nào nhận nhà đất sẽ hoàn lại giá trị cho các bà theo giá thị trường mà bà L đã đưa ra là 10.500.000đồng/m², giá nhà, vật kiến trúc trên đất thì theo biên bản định giá năm 2022.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã tuyên xử như sau:

Căn cứ: Điều 5; Điều 6; khoản 5, 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 165, Điều 217 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 233, 237, 670 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 254, 611, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Án lệ 05/2016/AL ngày 06-4-2016; Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12, 15, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ1114 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L về yêu cầu chia thừa kế đối với 01 thửa đất và 02 căn nhà thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ địa chính số 29, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang Tháp Chàm.

2. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quốc H1 về mở lối đi chung vào thửa đất số 176, tờ bản đồ số 29, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

3. Bản di chúc ngày 22-10-2001 được Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ, thị xã Phan Rang - Tháp Chàm chứng thực số 01 quyển số 01TP/CC-SCT/DCCT của cụ Đỗ D vô hiệu đối với phần định đoạt dùng vào việc thờ cúng.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Đỗ D là: 01 căn nhà cấp 04B, cao 01 tầng, mái lợp tôn, diện tích 77,38m².

Di sản thừa kế của cụ Lê Thị L là: thửa đất số 175, tờ bản đồ địa chính số 29, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có diện tích 192,7m². Trên thửa đất có 01 căn nhà từ đường cấp 4A, cao 01 tầng mái ngói, diện tích 26,98m².

5. Chia cho bà Đỗ Thị L được quyền sử dụng 01 thửa đất số 219, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có diện tích đất ở tại đô thị là 156,4m². Trên thửa đất có Nhà cấp 04A, cao 01 tầng, mái ngói, trần la phong gỗ, diện tích 26,98m²; Nhà cấp 04B, cao 01 tầng, mái lợp tôn, nền gạch hoa, diện tích 77,38m²; 01 Mái che tôn khung sắt, kích thước 54,61m²; 01 Cửa sắt kéo, kích thước 12,95m²; 01 Cửa sắt (cửa cổng), kích thước 5,92m²; 01 nhà vệ sinh, cao 01 tầng, mái tôn, nền gạch hoa, không laphong, tường ốp gạch men 1,2m, diện tích 1,35m; Nền sân xi măng, diện tích 29,88m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070260, hồ sơ gốc số 1455 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21-3-2001. Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa số 32; Tây giáp đường L; Nam giáp thửa số 30; Bắc giáp thửa đất số 218.

(Kèm theo Trích lục bản đồ địa chính số 2820/VPĐKĐĐNT- CNPRTC ngày 28/6/2022).

Buộc bà Đỗ Thị L phải hoàn lại cho bà Đỗ Thị T1 01 kỷ phần thừa kế là số tiền 441.466.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà Đỗ Thị L phải hoàn lại cho bà Đỗ Thị C 01 kỷ phần thừa kế là số tiền 441.466.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà Đỗ Thị L phải hoàn lại cho các người thừa kế của ông Đỗ T gồm: bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc T, ông Đỗ Quốc B, ông Đỗ Quốc H2, ông Đỗ Quốc H1 01 kỷ phần thừa kế là số tiền 441.446.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà Đỗ Thị L phải hoàn lại cho bà Phạm Thị T 01 kỷ phần quản lý, tôn tạo di sản và trị giá các tài sản của bà T tạo dựng là số tiền 477.303.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng).

6. Ông H1 được sở hữu và sử dụng 01 thửa đất số 218, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có diện tích đất ở tại đô thị là 36,3m². Trên thửa đất có 01 cây xoài chưa thu hoạch; 01 Nhà cấp 04A, cao 01 tầng, mái tôn, trần la phong thạch cao, nền gạch hoa (chung kết cấu với nhà và đất thuộc thửa số 176), diện tích 6,25m².

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa số 32; Tây giáp đường Lê Đại H; Nam giáp thửa số 219; Bắc giáp thửa đất số 11, 176.

(Kèm theo Trích lục Bản đồ địa chính số 2819/VPĐKĐĐNT-CNPRTC ngày 28-6-2022).

Buộc ông H1 phải hoàn lại cho bà L số tiền là 377.465.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng). Buộc ông H1 phải hoàn lại cho bà T số tiền là 382.000 đồng (Ba trăm tám mươi hai ngàn đồng).

7. Buộc bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc H2 phải giao cho bà Đỗ Thị L 01 thửa đất số 219, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có diện tích đất ở tại đô thị là 156,4m². Trên đất có 01 nhà cấp 04A, cao 01 tầng, mái ngói, trần la phong gỗ, diện tích 26,98m²; Nhà cấp 04B, cao 01 tầng, mái lợp tôn, nền gạch hoa, diện tích 77,38m²; 01 Mái che tôn khung sắt, kích thước 54,61m²; 01 Cửa sắt kéo, kích thước 12,95m²; 01 Cửa sắt (cửa cổng), kích thước 5,92m; 01 nhà vệ sinh, cao 01 tầng, mái tôn, nền gạch hoa, không laphong, tường ốp gạch nem 1,2m, diện tích 1,35m; Nền sân xi măng, diện tích 29,88m².

Buộc bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc H2 phải giao cho ông Đỗ Quốc H1 01 thửa đất số 218, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có diện tích đất ở tại đô thị là 36,3m. Trên thửa đất có 01 cây xoài chưa thu hoạch; 01 Nhà cấp 04A, cao 01 tầng, mái tôn, trần la phong cao, nền gạch hoa (chung kết cấu với nhà và đất thuộc thửa số 176), diện tích 6,25m².

Bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Quốc H1 có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai, điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2022, nguyên đơn bà Đỗ Thị L làm đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hướng: *đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia 4 phần bằng nhau cho 4 người con. Không đồng ý chia làm 5 phần và không đồng ý tính công quản lý di sản cho ông T, bà T.*

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2022, bị đơn bà Phạm Thị T làm đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: *Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc ngày 22/10/2001 được Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ xác nhận;*

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/10/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quốc H1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận: *Nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc ngày 22/10/2001 được Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ xác nhận; Công nhận lối đi chung có diện tích bề ngang 2m và chiều dài dọc theo thửa đất số 285, tờ bản đồ số 9-d, tọa lạc phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tranh luận: *Đề nghị sửa bản án sơ thẩm.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tranh luận: *đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bác yêu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông H1 tranh luận: *Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, bác yêu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 10/10/2022 của bà Đỗ Thị L, bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc H1 làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quốc H1 không rút yêu cầu độc lập, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp về lỗi đi chung*” là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp về lỗi đi qua bất động sản liền kề*”.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về nội dung: Không đồng ý tính công sức quản lý di sản cho ông T, bà T bằng 01 kỷ phần thừa kế*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nội dung án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có quy định về việc xem xét công sức quản lý di sản thừa kế do người chết để lại. Các tình tiết của vụ án phù hợp với nội dung của án lệ số 05/2016/AL như sau: Bị đơn là con dâu không phải thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ D, cụ L nhưng đang quản lý di sản thừa kế của cụ D, cụ L. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nội dung án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 tính công sức quản lý di sản cho bị đơn bằng một 01 kỷ phần thừa kế là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

[3.2] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quốc H1 về nội dung: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc ngày 22/10/2001 được Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ xác nhận*, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] *Về nguồn gốc đất tranh chấp*: Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4401070260, hồ sơ gốc số 1455 Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21-3-2001 cho cụ Đỗ Do do Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận cung cấp:

Tại Giấy đoạn mãi nhà tại Cư xá Lao động Mỹ Đức - Ninh Thuận giữa đảng bán là ông Ty Trưởng thuê vụ Ninh Thuận kiêm Chủ tịch UBQT Cư xá Mỹ Đức - Ninh Thuận và đảng mua là ông Đỗ D và vợ là Lê Thị L (BL 99L);

Tại phiếu đề xuất giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSH nhà và QSH đất ở ngày 26/02/2001 có nội dung: “*Nguồn gốc: Ngày 28-7-67 ông Ty*

Trường thuế vụ Ninh Thuận lập giấy đoan mãi nhà tại Xứ xá Lao động Mỹ Đức - Ninh Thuận cho ông Đỗ D và bà Lê Thị L có ghi diện tích đất 390m², diện tích xây dựng 38m² được Cơ quan Trung ương xác nhận tháng 1 năm 1968,...

Do đặc thực tế: Diện tích đất 385,5m² (theo trích lục giảm 4,5m² so với giấy tờ hợp lệ. Nhà diện tích xây dựng 44,15m², cấp 4B, trong đó: diện tích xây dựng là 38m² là diện tích xây dựng cũ giữ nguyên và 6,15m² gia chủ xây dựng mới cấu trúc nền gạch, mái ngói...” (BL 99P). Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện thời gian phần diện tích nhà xây dựng mới 6,15 m² nên không có cơ sở xác định là tài sản riêng của cụ Đỗ D. Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày có nơi coi nói và xây dựng thêm 01 căn nhà cấp 4B mái tôn có diện tích 77,38m² nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định phần diện tích xây dựng gồm 01 nhà cấp 4B mái tôn là tài sản của ông Đỗ T, bà Phạm Thị T.

Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: diện tích 385,5m² đất ở trên đất có 01 căn nhà cấp 04A mái ngói, cao 01 tầng, trần laphong gỗ, diện tích 26,98m² thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 9-d, tọa lạc tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận là tài sản chung của vợ chồng cụ Đỗ Do và cụ Lê Thị L là có căn cứ.

[3.2.2] Xét di chúc ngày 22/10/2001, cụ Đỗ D lập Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ, thị xã Phan Rang- Tháp Chàm (nay là thành phố Phan Rang - Tháp Chàm) chứng thực số 01 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCCT, có nội dung: *Nay vì sức yếu tuổi già cũng như căn cứ vào luật pháp nhà nước, tôi quyết định cho con trai Đỗ T với số diện tích đất chưa xây dựng (trống) là 195m², còn lại một nửa diện tích đất có nhà đang ở để cho các con thờ cúng ông bà, cha mẹ là 195m². Kể từ ngày lập di chúc này mãi về sau con trai tên Đỗ T được trọn quyền sử dụng và sang nhượng khi gặp khó khăn và có trách nhiệm nuôi dưỡng đến ngày cuối cuộc đời”. Cụ D và cụ L là vợ chồng. Cụ L chết không để lại di chúc. Cụ D đã tự định đoạt cả phần di sản của cụ L trong khối tài sản chung vợ chồng là không đúng với quy định tại các điều 233, 237 Bộ luật dân sự 1995. Như vậy di chúc của cụ Đỗ D lập ngày 22/10/2001 chỉ có hiệu lực một phần đối với phần diện tích đất cụ D đã cho con trai ông Đỗ T là 195m² và vô hiệu đối với phần diện tích 192,7m² đất còn lại của cụ L theo quy định tại khoản 4 Điều 670 Bộ luật dân sự năm 1995. Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T1, bà Đỗ Thị C yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ L là diện tích đất theo đo đạc thực tế là 192,7m² và ½ căn nhà cấp 04A, cao 01 tầng, mái ngói, trần laphong gỗ, diện tích 26,98m² và phần di sản của cụ D chưa chia gồm: ½ căn nhà cấp 04A, cao 01 tầng, mái ngói, trần la phong gỗ, diện tích 26,98m²; 01 căn nhà cấp 4B cao*

01 tầng, mái tôn có diện tích 77,38m²; phần thừa kế cụ D nhận từ cụ L chưa chia theo pháp luật là có cơ sở.

[3.2.3] Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Đỗ Quốc H.

[3.3] Tại phiên tòa, phía bị đơn là bà T có yêu cầu được nhận đất và nhà đang tranh chấp vì không có chỗ ở nhưng không đồng ý hoàn lại giá trị đất theo giá nguyên đơn đưa ra là 10.500.000 đồng/m². Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tính công sức quản lý di sản bằng một kỷ phần thừa kế cho bà T; vợ chồng bà T ông T đã được cụ Đỗ D tặng cho theo di chúc ngày 22/10/2001 diện tích 195m² trong thửa đất số 285, tờ bản đồ số 9-d, phường Phước Mỹ, TP.PRTC nhưng ông T, bà T đã chuyển nhượng 01 phần cho vợ chồng ông Tàn Minh V, bà Nguyễn Đặng Quỳnh N và tặng cho phần còn lại cho con trai Đỗ Quốc H1; bà T cũng không đồng ý giá mà phía nguyên đơn đưa ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu này của bị đơn.

[3.4] *Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quốc H1 về nội dung: Công nhận lối đi chung có diện tích bề ngang 2m và chiều dài dọc theo thửa đất số 285, tờ bản đồ số 9-d, tọa lạc phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Đỗ T và bà Phạm Thị T đang sinh sống trên thửa đất này không được sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ D, cụ L là bà L, bà T1, bà C đã tự quyết định việc cho ông H1 xây dựng lán chiếm vào thửa đất số 175 và sử dụng một phần thửa 175 làm lối đi. Mặt khác ông H1 đã xây dựng nhà ở lấn vào thửa đất số 175 và có vách nhà sát vách 02 căn nhà mái ngói và mái tôn của cụ D, cụ L và lối đi từ thửa 175 để đi vào thửa đất số 176 của ông H1 chỉ còn lại chiều ngang là 1,2m. Nếu chấp nhận yêu cầu của ông H1 để lại lối đi có chiều ngang là 2m thì phải tháo dỡ một phần vách căn nhà mái ngói và mái tôn. Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông H1 để lại lối đi vào thửa đất số 176 có chiều ngang 1,2m chiều dài dọc theo thửa đất với diện tích 36,3m² theo Trích lục bản đồ địa chính số 2819/VPĐKĐĐ-CNPRC ngày 28/06/2022 và buộc ông H1 nhận phần đất có diện tích 36,3m² thuộc thửa đất 175, nhận 01 cây xoài trên phần lối đi này phải hoàn lại giá trị thửa đất, cây trồng trên đất cho các thừa kế khác là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo này của ông Đỗ Quốc H1.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm các ông Đỗ Quốc T, ông Đỗ Quốc B, ông Đỗ Quốc H2, ông Đỗ Quốc H1 không yêu cầu chia kỷ phần thừa kế của cha các ông là ông Đỗ T và đều đồng ý để mẹ các ông là bà Phạm Thị T nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến này của các ông.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị L, bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc H1 giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể cả án phí.

Rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm như sau: tại phần quyết định tuyên xử như sau: “4. *Xác định di sản thừa kế của cụ Đỗ D là: 01 căn nhà cấp 04B, cao 01 tầng, mái lợp tôn, diện tích 77,38m². Di sản thừa kế của cụ Lê Thị L là: thửa đất số 175, tờ bản đồ địa chính số 29, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang Tháp Chàm có diện tích 192,7m². Trên thửa đất có 01 căn nhà từ đường cấp 4A, cao 01 tầng mái ngói, diện tích 26,98m²*” là không đúng. Nội dung này chỉ cần nhận định trong bản án là đầy đủ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Đỗ Quốc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Đỗ Thị L, bà Phạm Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.
Vì các lý do trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị L, bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ: khoản 5, 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 92, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 233, 237, 670 Bộ luật Dân sự năm 1995; Các điều 254, 611, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ 05/2016/AL ngày 06-4-2016; Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 58/1998/UBTVQH10 ngày 20/8/1998 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 1 tháng 7 năm 1991; Các điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L về yêu cầu chia thừa kế đối với 02 căn nhà gắn liền diện tích 192,7m² thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ địa chính số 29, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang Tháp Chàm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quốc H1 về mở lối đi vào thửa đất số 176, tờ bản đồ số 29, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

3. Bản di chúc của cụ Đỗ D ngày 22-10-2001 vô hiệu đối với phần định đoạt dùng vào việc thờ cúng.

4. Bà Đỗ Thị L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 156,4m² đất ở đô thị thuộc thửa số 219, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo Trích lục bản đồ địa chính số 2820/VPĐKĐĐNT- CNPRTC ngày 28/6/2022 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Phan Rang-Tháp Chàm. Bà L được sở hữu các tài sản như sau: 01 nhà cấp 04A, 01 tầng, mái ngói, trần la phong gỗ, diện tích 26,98m²; 01 nhà cấp 04B, 01 tầng, mái lợp tôn, nền gạch hoa, diện tích 77,38m²; 01 mái che tôn khung sắt, kích thước 54,61m²; 01 cửa sắt kéo, kích thước 12,95m²; 01 cửa sắt (cửa cổng), kích thước 5,92m²; 01 nhà vệ sinh, 01 tầng, mái tôn, nền gạch hoa, không la phong, tường ốp gạch men cao 1,2m, diện tích 1,35m²; Nền sân xi măng, diện tích 29,88m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070260, hồ sơ gốc số 1455 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21-3-2001. Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa số 32; Tây giáp đường L; Nam giáp thửa số 30; Bắc giáp thửa đất số 218.

Buộc bà L phải hoàn lại cho bà Đỗ Thị T1: 441.466.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà L phải hoàn lại cho bà Đỗ Thị C: 441.466.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà L phải hoàn lại cho các người thừa kế của ông Đỗ T gồm: bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc T, ông Đỗ Quốc B, ông Đỗ Quốc H2, ông Đỗ Quốc H1: 441.466.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Giao cho bà T nhận số tiền này.

Buộc bà L phải hoàn lại cho bà Phạm Thị T: 441.466.000 đồng (01 kỷ phần quản lý, tôn tạo di sản) và 35.857.000 đồng (trị giá các tài sản của bà T tạo dựng). Tổng cộng: 477.323.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng).

5. Ông Đỗ Quốc H1 được quản lý, sử dụng diện tích 36,3m² đất ở tại đô thị thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo Trích lục bản đồ địa chính số 2819/VPĐKĐĐNT- CNPRTC ngày 28/6/2022 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Phan Rang- Tháp Chàm. Ông H1 được sở hữu các tài sản đất: 01 cây xoài chưa thu hoạch; 01 nhà cấp 04A diện tích 6,25m², 01 tầng, mái tôn, trần la phong thạch cao, nền gạch hoa (chung kết cấu với nhà và đất thuộc thửa số 176). Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa số 32; Tây giáp đường Lê Đại Hành; Nam giáp thửa số 219; Bắc giáp thửa đất số 11, 176.

Buộc ông H1 phải hoàn lại cho bà L số tiền là 377.465.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Buộc ông H1 phải hoàn lại cho bà T số tiền là 382.000 đồng (Ba trăm tám mươi hai ngàn đồng).

6. Buộc bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc H2 phải giao cho bà Đỗ Thị L: diện tích 156,4m² đất ở đô thị thuộc thửa số 219, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo Trích lục bản đồ địa chính số

2820/VPĐKĐĐNT- CNPRTC ngày 28/6/2022 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Phan Rang- Tháp Chàm và các tài sản như sau: 01 nhà cấp 04A, 01 tầng, mái ngói, trần la phong gỗ, diện tích 26,98m²; 01 nhà cấp 04B, 01 tầng, mái lợp tôn, nền gạch hoa, diện tích 77,38m²; 01 mái che tôn khung sắt, kích thước 54,61m²; 01 cửa sắt kéo, kích thước 12,95m²; 01 cửa sắt (cửa cổng), kích thước 5,92m²; 01 nhà vệ sinh, 01 tầng, mái tôn, nền gạch hoa, không la phong, tường ốp gạch men cao 1,2m, diện tích 1,35m²; Nền sân xi măng, diện tích 29,88m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401070260, hồ sơ gốc số 1455 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21-3-2001. Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa số 32; Tây giáp đường Lê Đại Hành; Nam giáp thửa số 30; Bắc giáp thửa đất số 218.

Buộc bà Phạm Thị T, ông Đỗ Quốc H2 phải giao cho ông Đỗ Quốc H1 diện tích 36,3m² đất ở tại đô thị thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 29, tại phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo Trích lục bản đồ địa chính số 2819/VPĐKĐĐNT- CNPRTC ngày 28/6/2022 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Phan Rang- Tháp Chàm. Ông H1 được sở hữu các tài sản đất: 01 cây xoài chưa thu hoạch; 01 nhà cấp 04A diện tích 6,25m², 01 tầng, mái tôn, trần la phong thạch cao, nền gạch hoa (chung kết cấu với nhà và đất thuộc thửa số 176). Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa số 32; Tây giáp đường Lê Đại Hành; Nam giáp thửa số 219; Bắc giáp thửa đất số 11, 176.

Bà Đỗ Thị L và ông Đỗ Quốc H1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền này, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị T1, bà Đỗ Thị C, Bà Phạm Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Quốc H1 phải chịu **18.892.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003330 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Ông H1 còn phải nộp 18.592.000 đồng (Mười tám triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị L, bà Phạm Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đỗ Quốc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004605 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo các Trích lục bản đồ địa chính 2819,2820 ngày 28/6/2022 đối với 02 thửa đất 218, 219 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh Phan Rang).

Nơi nhận:

- Dương sự (8);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND TP. Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Chi cục TP. Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Trang